

# KĨ NĂNG DẠY HỌC HÒA NHẬP HỌC SINH KHUYẾT TẬT TRÍ TUỆ THEO HƯỚNG TIẾP CẬN NĂNG LỰC Ở BẬC TIỂU HỌC

ThS. ĐINH NGUYỄN TRANG THU\*

Ngày nhận bài: 24/05/2016; ngày sửa chữa: 24/05/2016; ngày duyệt đăng: 24/05/2016.

**Abstract:** This article mentions theoretical issues of inclusive education towards approach of competences for students with intellectual impairments at primary school. Questionnaires were delivered to 186 teachers of students with intellectual impairments at two inclusive schools in Hanoi in term of teacher's expertise, advantages and disadvantages in teaching children with intellectual impairment. Based on surveyed results, author also proposes solutions to improve the teaching skills for teachers and facilitate inclusive education at primary schools to help students with disabilities integrate into learning environment as others.

**Keywords:** Inclusive education, capacity, students with intellectual impairments, teachers of students with intellectual impairments.

**D**ạy và học theo hướng phát triển phẩm chất, tiếp cận năng lực (TCNL) của người học được coi là chìa khóa để đổi mới giáo dục, đáp ứng một trong những yêu cầu nòng cốt nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực mà Nghị quyết Trung ương 8 về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đào tạo đã nêu [1]. Mô hình giáo dục hòa nhập (GDHN) là mô hình trong đó học sinh (HS) có nhu cầu đặc biệt (bao gồm HS khuyết tật trí tuệ) học chung cùng với HS không khuyết tật. Mô hình GDHN này đáp ứng được sự đa dạng trong lớp học, tôn trọng sự khác biệt và có sự điều chỉnh trong dạy học, đảm bảo sự phù hợp với đặc điểm khả năng và nhu cầu khác nhau của mỗi cá nhân HS trong lớp học. Quan điểm dạy học theo hướng TCNL trong GDHN là hướng tiếp cận đúng đắn, cần được triển khai tới tất cả các giáo viên (GV) dạy hòa nhập ngay từ cấp tiểu học. Do vậy, nhiệm vụ cần thiết là cung cấp và trang bị cho GV dạy hòa nhập các kĩ năng GDHN theo hướng TCNL mỗi HS khuyết tật.

## 1. Dạy học TCNL người học

Năng lực là khả năng làm chủ những hệ thống kiến thức, kĩ năng, thái độ và vận hành (kết nối) chúng một cách hợp lí vào thực hiện thành công nhiệm vụ hoặc giải quyết hiệu quả vấn đề đặt ra của cuộc sống. Năng lực về một loại/lĩnh vực hoạt động nào đó cần có đủ các dấu hiệu cơ bản sau: có đủ kiến thức hay hiểu biết hệ thống/chuyên sâu về loại/lĩnh vực hoạt động đó; biết cách tiến hành hoạt động đó có hiệu quả và đạt kết quả phù hợp với mục đích; hành động có kết quả, ứng phó linh hoạt [1].

Dạy học TCNL người học không chỉ dạy cho người học các kiến thức về một loại/lĩnh vực, mà còn hình thành và rèn luyện cho họ thành các kĩ năng, vận dụng

trong thực tiễn một cách có hiệu quả, giúp họ tiến bộ và phát triển theo khả năng của bản thân.

## 2. GDHN HS khuyết tật trí tuệ ở tiểu học

**2.1. GDHN và GDHN theo hướng TCNL người học.** GDHN là hình thức giáo dục trẻ khuyết tật trong môi trường giáo dục bình thường. Khi đó, trẻ khuyết tật được học tại nơi trẻ sinh sống, được học cùng lớp với các trẻ em bình thường với chương trình học tập đáp ứng khả năng và nhu cầu cá nhân, được vui chơi và sinh hoạt như mọi trẻ em bình thường khác [2]. Theo quan điểm của GDHN, trẻ khuyết tật phải được coi là *chủ thể* chứ không phải là đối tượng thụ động của các tác động giáo dục. GDHN tập trung quan tâm, tìm kiếm những cái mà trẻ khuyết tật có thể làm được, giúp các em có điều kiện và cơ hội được phát huy các điểm mạnh của bản thân thông qua việc điều chỉnh các yếu tố thuộc môi trường học tập và các thành tố của quá trình dạy học. Với quan điểm và bản chất này, GDHN hoàn toàn thực hiện được theo hướng TCNL người học. Theo đó, GDHN hướng tới tôn trọng sự phát triển cá nhân của trẻ khuyết tật, mọi hoạt động dạy học và giáo dục trong môi trường này sẽ được tiến hành dựa trên đúng đặc điểm, khả năng, nhu cầu và sở thích của trẻ từ việc xây dựng, thực hiện hay đánh giá toàn bộ quá trình dạy học.

Ở bậc tiểu học, trong môi trường hòa nhập, GV đóng vai trò quan trọng bởi họ triển khai và thực hiện trực tiếp các hoạt động với HS. Để thực hiện tốt GDHN theo hướng TCNL người học thì việc nâng cao kĩ năng dạy học hòa nhập của GV là điều quan trọng.

\* Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

## 2.2. HS khuyết tật trí tuệ học hòa nhập ở tiểu học.

HS khuyết tật trí tuệ (KTTT) học hòa nhập ở tiểu học là những trẻ em có độ tuổi từ 6-12 theo quy định **Luật Giáo dục** của Việt Nam và đáp ứng các tiêu chí phân loại về KTTT của DSM-V (Hiệp hội rối nhiễu tâm thần Mỹ năm 2013) như sau: 1) Bị thiếu hụt các chức năng trí tuệ như lí luận, giải quyết vấn đề, lập kế hoạch, tư duy trừu tượng, phán xét, kĩ năng học tập, học hỏi từ trải nghiệm. Các thiếu hụt này được kiểm chứng thông qua các đánh giá lâm sàng và cá nhân, kiểm tra trí thông minh đã được tiêu chuẩn hóa; 2) Bị thiếu hụt trong chức năng thích ứng dẫn đến thất bại trong việc đáp ứng các tiêu chuẩn phát triển văn hóa xã hội, độc lập cá nhân và trách nhiệm xã hội; không có sự hỗ trợ, những thiếu hụt trong chức năng thích ứng này sẽ dẫn đến những hạn chế một hoặc nhiều hoạt động trong cuộc sống hàng ngày như: thông tin liên lạc, tham gia xã hội, sống độc lập; và trong nhiều môi trường như: gia đình, trường học, nơi làm việc và cộng đồng; 3) Những thiếu hụt về trí tuệ và chức năng diễn ra trong suốt quá trình phát triển [3].

Với đặc điểm khiếm khuyết, HS KTTT có những hạn chế cơ bản như: khả năng nhận thức (tư duy thiếu liền mạch, tưởng tượng hạn hẹp, chú ý kém), khả năng ngôn ngữ (ngôn ngữ diễn đạt kém, khó hiểu các biểu tượng phi ngôn ngữ), khả năng tương tác xã hội (hạn chế trong thiết lập và duy trì giao tiếp, khó tham gia và thực hiện theo các hoạt động cùng nhóm, thường tự ti) [4]. Tuy nhiên, theo luật bù trừ của khiếm khuyết, mọi HS KTTT dù ở mức độ nặng hay nhẹ, cũng sẽ vẫn có những khả năng, năng lực ở một số lĩnh vực nhất định, các em vẫn có khả năng hòa nhập vào môi trường GDHN.

Việc TCNL HS KTTT trong GDHN cần được hiểu là sự tiếp cận đa dạng trong lớp học, mọi hoạt động tổ chức trong quá trình dạy và giáo dục đều phải đảm bảo phù hợp với khả năng, nhu cầu, sở thích của HS KTTT, vì sự tiến bộ của chính bản thân HS KTTT.

## 3. Kĩ năng dạy học hòa nhập ở tiểu học

*Kĩ năng* là khả năng của con người thực hiện một cách có hiệu quả một công việc nào đó để đạt được mục đích đã xác định bằng cách lựa chọn và áp dụng những cách thức hành động phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh và phương tiện nhất định.

*Kĩ năng dạy học hòa nhập* là khả năng của GV thực hiện một cách có kết quả các hoạt động của mình để đạt được mục đích dạy học đã xác định bằng cách lựa chọn và áp dụng những cách thức hành động phù hợp với HS khuyết tật (HS KTTT), điều kiện, hoàn cảnh và phương tiện nhất định trong môi trường hòa nhập.

*Kĩ năng dạy học hòa nhập theo hướng TCNL ở bậc tiểu học* là việc thực hiện các kĩ năng dạy học hòa nhập của GV, theo hướng tiếp cận đa dạng trong lớp học, đáp ứng đúng khả năng, nhu cầu, sở thích của HS KTTT và vì sự tiến bộ của chính HS KTTT.

### 3.1. Điểm nét về thực trạng GV dạy hòa nhập ở tiểu học

Kết quả thực trạng ngẫu nhiên bước đầu về trình độ chuyên môn và kinh nghiệm trong dạy học hòa nhập trên 186 GV dạy hòa nhập (Hà Nội: 72; Đà Nẵng: 55; Yên Bái: 23; Hà Giang: 36) cho thấy:

- *Về kinh nghiệm của GV dạy trẻ KTTT trong lớp hòa nhập*: GV có kinh nghiệm dạy dưới 5 năm chiếm số lượng nhiều nhất (77,9%), còn GV có kinh nghiệm dạy trên 10 năm chiếm số lượng ít nhất (9,7%). Kết quả này cho thấy, kinh nghiệm dạy hòa nhập của GV tiểu học còn chệch (*bảng 1*).

*Bảng 1. Kinh nghiệm của GV dạy HS KTTT học hòa nhập ở tiểu học*

Thời gian dạy học	Hà Nội		Đà Nẵng		Yên Bái		Hà Giang		Tổng	
	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Dưới 5 năm	53	73,6	47	85,4	18	78,3	27	75,0	145	77,9
Từ 5-10 năm	13	18,0	7	14,6	2	8,7	1	2,8	23	12,4
Trên 10 năm	6	8,4	0	0	3	13,0	8	22,2	17	9,7
Tổng	72	100	55	100	23	100	36	100	186	100

Kết quả đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn liên quan đến GDHN nói riêng và giáo dục đặc biệt nói chung của GV dạy hòa nhập ở tiểu học (*bảng 2*).

*Bảng 2. Số lượng GV dạy hòa nhập ở tiểu học được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn*

Được đào tạo, bồi dưỡng	Hà Nội		Đà Nẵng		Yên Bái		Hà Giang		Tổng	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
Có	54	79,0	32	58,2	1	4,4	5	13,9	92	49,4
Chưa	18	21,0	23	41,8	22	95,6	31	86,1	94	50,6
Tổng	72	100	55	100	23	100	36	100	186	100

*Bảng 2* cho thấy, tỉ lệ GV được đào tạo nhiều hơn GV chưa được đào tạo (50,6% và 49,4%). Ngoài ra, các khóa đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn của GV hầu như mới chỉ dừng lại là các khóa đào tạo ngắn hạn, về các nội dung lí thuyết cơ bản của giáo dục đặc biệt, chưa tập trung sâu vào GDHN và các kĩ năng đặc thù. Một số tên khóa đào tạo, bồi dưỡng như: bồi dưỡng về giáo dục đặc biệt, phương pháp đánh giá sự tiến bộ của HS khuyết tật, phương pháp hình thành hành vi tích cực, tập huấn chung về GDHN, thiết kế bài dạy hiệu quả cho HS... Như vậy, GV dạy

hòa nhập ở tiểu học vẫn còn hạn chế chuyên môn về kĩ năng dạy hòa nhập.

- Về những mong muốn của bản thân GV nhằm nâng cao chất lượng dạy hòa nhập: đa số GV đều tập trung ở các ý kiến: được đào tạo, tập huấn về phương pháp dạy học hòa nhập, được cung cấp các kĩ năng sử dụng tài liệu, phương tiện dạy học, có chương trình hướng dẫn cụ thể dạy học hòa nhập, được tạo điều kiện thời gian để có thể hỗ trợ cá nhân từng HS, có thêm người (nhân viên hỗ trợ) hỗ trợ HS KTTT trong lớp hòa nhập, được sự ủng hộ, quan tâm của các cấp lãnh đạo và nhà trường hòa nhập, lớp học có đầy đủ trang thiết bị, cơ sở vật chất, có chương trình riêng dành cho đối tượng HS học hòa nhập (bảng 3).

**Bảng 3. Một số thuận lợi và khó khăn của GV trong quá trình dạy hòa nhập ở tiểu học**

Thuận lợi	Số lượng	Tỉ lệ %	Thứ bậc	Khó khăn	Số lượng	Tỉ lệ %	Thứ bậc
Có môi trường thực hành, luyện tập	77	41,4	3	Số lượng HS trong lớp quá đông	95	51,1	3
Nhận được sự đồng cảm từ phía phụ huynh, nhân viên nhà trường	113	60,7	1	Hạn chế về điều kiện vật chất	73	39,2	4
Được tạo điều kiện từ phía nhà trường	102	54,8	2	Hạn chế về thời gian	99	53,2	2
Phát huy được điểm mạnh của HS KTTT	51	27,4	4	Ít/không có lực lượng hỗ trợ	102	54,8	1
Sự gắn gũi, tình cảm của HS KTTT	15	0,8	5	Hạn chế của GV về trình độ, kĩ năng	95	51,1	3

Kết quả quan sát có chủ đích 25 tiết dạy của GV dạy hòa nhập HS KTTT ở 02 trường tiểu học hòa nhập trên địa bàn TP. Hà Nội (Trường Tiểu học B.M quận Hoàn Kiếm và Trường Tiểu học P.D quận Bắc Từ Liêm) cho thấy: GV đã có sự điều chỉnh một phần trong lớp học hòa nhập; chủ yếu là điều chỉnh phương pháp dạy học, điều chỉnh mục tiêu dạy học, xây dựng được môi trường học tập tương đối thân thiện và hòa nhập.

Như vậy, các kết quả ban đầu điều tra thực trạng cho thấy, GV dạy hòa nhập ở tiểu học còn thiếu kinh nghiệm và kĩ năng đặc thù trong dạy học hòa nhập; gặp nhiều khó khăn về trình độ chuyên môn, kĩ năng và đặc điểm của lớp học hòa nhập. Do vậy, để giúp GV có thể thực hiện GDHN theo hướng TCNL người học, cần cung cấp các kĩ năng đặc thù dưới đây:

### **3.2. Kĩ năng dạy học hòa nhập theo hướng TCNL người học**

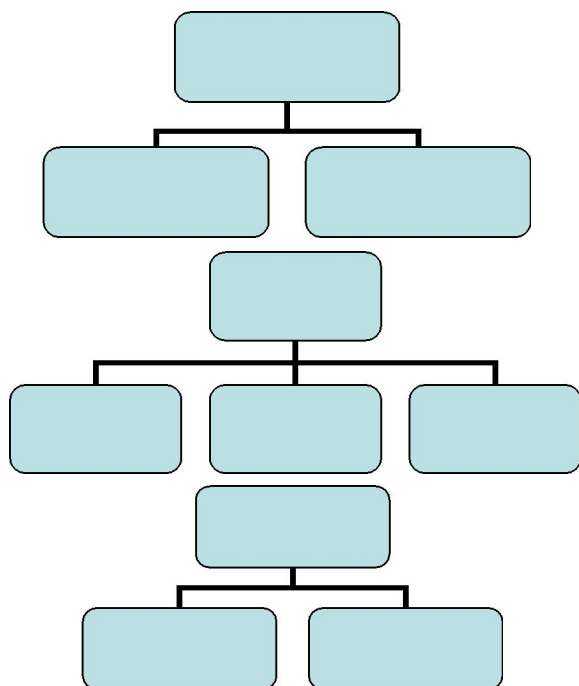
#### **3.2.1. Nhận dạng đúng khả năng, nhu cầu và sở thích của HS KTTT (bảng 4).**

**Bảng 4. Vai trò của GV dạy hòa nhập theo tiến trình đánh giá khả năng, nhu cầu của HS KTTT**

Tiến trình đánh giá	Vai trò của GV dạy hòa nhập
Phát hiện khuyết tật của HS	Phát hiện, lượng giá các vấn đề của HS KTTT về đặc điểm vận động (vận động thô, vận động tinh), nhận thức (cảm giác, tri giác, trí nhớ, tư duy, tưởng tượng), ngôn ngữ (hiểu, diễn đạt, khả năng giao tiếp), tương tác xã hội, hành vi, kĩ năng tự phục vụ. GV có thể thực hiện thông qua quan sát, nhận xét.
Các hoạt động chuyển tiếp	Nhận thức về các vấn đề của HS KTTT và chuyển tới chuyên gia giáo dục đặc biệt. Ví dụ: chuyển tiếp HS KTTT tới chuyên gia chẩn đoán, đánh giá để được xác nhận rõ ràng các vấn đề khó khăn trong học tập của HS. Sau khi nhận được kết quả đánh giá chuẩn xác của các chuyên gia, GV sẽ xác nhận, từ đó lên kế hoạch điều chỉnh lớp học và sử dụng hướng dẫn phù hợp. Thông báo chính thức về những khó khăn của HS KTTT tới các bạn khác trong lớp và những người liên quan để huy động sự phối hợp. Phối hợp với cha mẹ HS KTTT để nhận được sự phối hợp và hỗ trợ tối đa cho HS KTTT.
Sử dụng số liệu của đánh giá	Có kiến thức cơ bản (mục đích, cách sử dụng kết quả) về một số loại trắc nghiệm như: trí thông minh, vẽ hình người Goodenough, Raven... GV có thể trao đổi với các chuyên gia để được trang bị thêm kiến thức cơ bản về các trắc nghiệm.

**3.2.2. Tìm hiểu và điều chỉnh chương trình phổ thông.** GV cần phải tìm hiểu chương trình giáo dục tiểu học, đối chiếu với khả năng, nhu cầu, năng lực cụ thể của HS KTTT để có những điều chỉnh phù hợp chương trình giáo dục với các em. Khi tìm hiểu và điều chỉnh chương trình giáo dục phổ thông, GV cần có một số lưu ý và kĩ năng sau: 1) Nhận thức đúng đắn về quyền bình đẳng, bình thường hóa giáo dục với mọi đối tượng HS, bao gồm cả HS KTTT. Theo đó, GV cần hiểu rằng, HS KTTT cũng có quyền có cơ hội được hưởng một nền giáo dục bình đẳng và một sự giáo dục bình thường hóa như mọi HS tiểu học khác, không có sự phân biệt; 2) Phân tích những “vấn đề” của chương trình giáo dục tiểu học, những “rào cản” mà chương trình giáo dục tiểu học tạo ra làm hạn chế sự tham gia của HS KTTT trong lớp học hòa nhập như: hàm lượng kiến thức quá nhiều, yêu cầu về chất lượng kĩ năng quá cao, đòi hỏi nhiều kĩ năng phối hợp trong quá trình lĩnh hội và thực hành...; 3) Trên các cơ sở 1) và 2), đề xuất việc xây dựng chương trình giáo dục cá nhân phù hợp với từng đối tượng HS KTTT. Chương trình này cần phải được xây dựng căn cứ dựa trên các yêu cầu của chương trình giáo dục tiểu học, đặc điểm, khả năng và nhu cầu của HS KTTT và các điều kiện thực tế tại lớp học hòa nhập.

3.2.3. *Điều chỉnh môi trường.* Với đặc thù của HS KTTT trong lớp hòa nhập, người GV có thể điều chỉnh môi trường vật chất lớp học (với các yếu tố như ánh sáng, âm thanh, không gian, thời gian) và điều chỉnh môi trường tâm lí (đặc thù là các phương pháp giảng dạy của GV, sự tương tác giữa GV với HS KTTT, bầu không khí lớp học giữa HS KTTT và các HS khác trong lớp). Sự điều chỉnh của GV không chỉ diễn ra khi tổ chức các hoạt động trong lớp học hòa nhập mà còn cần điều chỉnh môi trường tổng thể, theo mô hình dưới đây (xem hình):



Hình. Mô hình điều chỉnh tổng thể trong lớp học hòa nhập

- Về điều chỉnh môi trường vật chất: với HS KTTT, lớp học cần được đảm bảo đủ ánh sáng (cả ánh sáng tự nhiên và ánh sáng nhân tạo), lưu ý với trường hợp một số HS KTTT kèm các hội chứng khác (tự kỉ, tăng động, rối loạn cảm giác) quá nhạy cảm với ánh sáng. Ngoài ra, cần điều chỉnh cả yếu tố âm thanh, đảm bảo không/có ít các tạp âm/âm thanh gây nhiễu trong lớp học, ảnh hưởng đến sự tập trung của HS KTTT (ví dụ: tiếng ồn của những âm thanh bên ngoài, tiếng nói chuyện của các HS khác trong lớp...). Về tổ chức lớp học: không gian lớp học cần thoáng mát, không quá nóng hoặc quá lạnh, gây ảnh hưởng đến sức khỏe của HS KTTT, từ đó ảnh hưởng đến sự tập trung, nhận thức trên lớp của các em.

Việc thực hiện một lớp học theo cấu trúc nhất định, có trình tự sẽ giúp HS KTTT bớt khó khăn khi phải tuân theo các quy định, quy tắc của lớp học và quy trình bài

học, giúp HS KTTT có thêm thời gian và trí tuệ để lĩnh hội các kiến thức trên lớp hơn.

Vì tốc độ xử lí của HS KTTT luôn chậm trễ, do vậy, GV cần chờ đợi nhiều hơn hoặc cho phép HS KTTT có nhiều thời gian hơn khi hoàn thành các nhiệm vụ và yêu cầu. Việc giục giã, hối thúc HS KTTT đôi khi sẽ khiến các em không những không thể hoàn thành nhiệm vụ mà còn có thể khiến các em nảy sinh các vấn đề hành vi không mong muốn.

- Về điều chỉnh môi trường tâm lí: nhấn mạnh đến các phương pháp điều chỉnh trong lớp học hòa nhập của GV. GV cần biết phối kết hợp linh hoạt bốn phương pháp điều chỉnh cơ bản: *đồng loạt, đa trình độ, trùng lặp giáo án và thay thế*. Ngoài ra, căn cứ vào sự phù hợp với khả năng của từng đối tượng HS KTTT, tùy thuộc vào từng nội dung bài học, đặc thù môn học trong chương trình tiểu học, GV còn cần biết điều chỉnh cụ thể mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức, phương tiện dạy học và cách đánh giá kết quả hòa nhập của HS KTTT. Ví dụ: với môn *Toán*, tùy vào lượng kiến thức và yêu cầu kĩ năng qua các lớp học ngày càng cao mà thông thường GV sẽ điều chỉnh mục tiêu, phương pháp, hình thức tổ chức và cách đánh giá HS KTTT; với môn *Tập đọc*, với các mức độ kĩ năng đọc yêu cầu từ đọc đúng - đọc hiểu - đọc diễn cảm, GV thông thường điều chỉnh mục tiêu, phương pháp, cách đánh giá HS KTTT. Một kĩ năng quan trọng của GV là tạo bầu không khí hòa nhập, thân thiện giữa các HS trong lớp hòa nhập. Điều này đòi hỏi GV phải có kĩ năng tổ chức lớp học, tổ chức các hoạt động để HS KTTT có cơ hội thể hiện và phát huy khả năng cũng như HS không KTTT có điều kiện giúp đỡ, hỗ trợ các bạn KTTT. Một số hình thức hỗ trợ giữa các nhóm HS mà GV có thể tổ chức như: vòng tay bè bạn, đôi bạn cùng tiến...

3.2.4. *Điều chỉnh hướng dẫn trong dạy học.* GV cần phải hiểu được cách học của HS KTTT và điều chỉnh cách hướng dẫn phù hợp, linh hoạt với từng kiểu học của HS, đảm bảo sự đồng thuận giữa dạy và học (xem bảng 5).

3.2.5. *Xây dựng kế hoạch bài học.* GV dạy hòa nhập không chỉ phải lên kế hoạch bài học cho tất cả HS trong lớp hòa nhập mà còn phải có nhiệm vụ lên kế hoạch bài học cho riêng HS KTTT. Nhiệm vụ này được thể hiện thông qua kĩ năng xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân (KHGD cá nhân) cho HS KTTT. Đây là một công cụ giúp cho GV xác định rõ những hỗ trợ cần thiết cho HS KTTT, đồng thời giúp các nhà trường có thể quản lí và đánh giá chất lượng GDHN của GV.

**Bảng 5. Vai trò của GV đáp ứng với từng cách học và nhu cầu học của HS KTTT**

Cách học của HS	Nhu cầu học	Vai trò của GV
Tự lập	Cấu trúc (học tập theo một lịch trình rõ ràng) Trực tiếp (hướng dẫn bằng lời, bằng trực quan, cụ thể) Củng cố hỗ trợ (có thêm các phương tiện như đồ dùng trực quan, hình ảnh minh họa, lời hướng dẫn, hỗ trợ từ GV, bạn bè) Khuyến khích (động viên, hỗ trợ kịp thời) Tôn trọng nhà quản lí (tôn trọng các yêu cầu của lớp học, của GV đặt ra)	Chuyên gia (hướng dẫn, làm mẫu) Nhà quản lí (đưa ra các quy tắc, quy định trong lớp học, trong quá trình học)
Phối hợp	Tương tác (cần sự phối hợp, hỗ trợ từ/với người khác trong các hoạt động) Thực hành (luyện tập để thành thục, nâng cao kĩ năng) Thăm dò bản thân và người khác Quan sát Tham gia (được tham gia vào các hoạt động trong lớp) Thách thức Tôn trọng bạn bè Thí nghiệm	Cùng dạy (vừa hướng dẫn, vừa dạy) Thiết lập môi trường (để đảm bảo sự tham gia tối đa của HS KTTT)
Không tự lập	Nhận thức bản thân (tự nhận thức về bản thân và các thứ thuộc bản thân) Thời gian (có thêm thời gian thực hiện) Hỗ trợ không phán xét (được nhận các hỗ trợ từ GV hoặc bạn bè)	Người tạo điều kiện (tạo cơ hội và điều kiện để HS được tham gia tối đa)

GV dạy hòa nhập cần nắm bắt các kiến thức và kĩ năng xây dựng KHGDCN. Về yêu cầu cơ bản của một KHGDCN, GV cần nắm rõ các yêu cầu trước khi xây dựng: đảm bảo tính rõ ràng và chi tiết, logic, hợp lí, khả thi, trung thực, có thể kiểm soát và được chấp nhận. Về nội dung, GV xây dựng bản KHGDCN thông thường phải có các nội dung cơ bản sau [5]: mô tả chức năng hiện tại của HS, mục tiêu thường niên và mục tiêu dài hạn, mục tiêu ngắn hạn, thời điểm bắt đầu và kết thúc, tiêu chí lượng giá các mục tiêu, các dịch vụ giáo dục đặc biệt và các dịch vụ liên quan, sự tham gia của lớp hòa nhập, các thành phần tham gia và thực hiện. Về quy trình thực hiện, GV cần nắm chắc 5 bước cơ bản: xác định tình trạng ban đầu của HS → đặt mục tiêu → lên kế hoạch → thực hiện kế hoạch → đánh giá, điều chỉnh.

Ngoài ra, GV có thể phối kết hợp với các chuyên gia, phụ huynh HS, các ban ngành để đảm bảo các điều kiện thực hiện tốt nhất và có hiệu quả nhất với HS KTTT.

**3.2.6. Quản lí lớp học.** Quản lí lớp học bao gồm quản lí các nhân tố thuộc lớp học, bao gồm: môi trường vật chất lớp học, HS (HS KTTT và HS không KTTT), GV và các nhiệm vụ cần thực hiện. Về môi trường vật chất lớp học, GV cần có kĩ năng điều chỉnh hoặc thiết kế các yếu tố trong môi trường nhằm đảm bảo rằng mọi HS, bao gồm cả HS KTTT cảm thấy thoải mái nhất. Về quản lí các nhiệm vụ cần thực hiện, GV cần

lập danh sách các quy định trong lớp ngắn gọn, dễ hiểu, có thể sử dụng hình vẽ minh họa; đồng thời, GV cần giúp HS KTTT hiểu, nhắc nhở HS thực hiện, hỗ trợ HS KTTT thực hiện trong các tình huống khác nhau. GV cũng nên có kĩ năng thiết lập các mối quan hệ bạn bè, các nhóm hỗ trợ HS KTTT thực hiện các nhiệm vụ trong lớp học.

GV cần có kĩ năng quản lí hành vi của HS KTTT bởi theo Weber (1977), việc GV thiết lập được các hành vi để quản lí có hiệu quả rất lớn đến việc dạy học của GV [5]. Một số biện pháp quản lí hành vi GV: động viên khuyến khích cởi mở, nói chuyện để giảng giải cho HS hiểu và vượt qua các tình huống, củng cố các hành vi tích cực, lắng nghe HS, khen ngợi HS khi tham gia vào các nhóm, tăng lời các hành vi không tích cực, chấp nhận sự tham gia dưới mọi hình thức của HS, khuyến khích và hỗ trợ các vấn đề cá nhân và nhóm của HS...

### 3.2.7. Đánh giá HS trong hệ thống chương trình.

Việc đánh giá HS KTTT rất có ý nghĩa không chỉ với bản thân HS KTTT (kết quả đánh giá sẽ cho thấy sự tiến bộ của HS KTTT) mà còn có ý nghĩa với GV (điều chỉnh lại quá trình dạy học cho phù hợp kết quả của HS KTTT). Theo TCNL, muốn đánh giá đúng năng lực của HS KTTT, người GV phải tìm cách thu thập được các thông tin về khả năng của người học theo tầng bậc (Jones, Voorhees, Paulson, 2002) [6]. Với đặc trưng phát triển của HS KTTT, năng lực của các em không chỉ được thể hiện ở khối lượng kiến thức văn hóa mà còn là các tri thức về các lĩnh vực phát triển khác như tự lập, xã hội, tự trọng; không chỉ là các yêu cầu mức độ kĩ năng thành thục các kiến thức mà còn là các biểu hiện hành vi, cảm giác, vận động. Việc đánh giá đúng năng lực HS KTTT không chỉ tập trung vào lĩnh vực nhận thức, mà còn đánh giá ở các lĩnh vực phát triển cần thiết khác với HS KTTT như: vận động, ngôn ngữ, tương tác xã hội, tự lập, hướng nghiệp. GV cần loại bỏ các cách đánh giá không tích cực như: cào bằng (đánh giá HS KTTT ngang bằng như HS không KTTT), loại bỏ (không đánh giá) hoặc ưu tiên quá mức HS KTTT (đánh giá quá khả năng thực tế của HS KTTT); cần tôn trọng cách đánh giá: luôn vì sự tiến bộ và phát triển của chính HS KTTT.

**3.2.8. Sáng tạo đồ dùng dạy học.** GV dạy hòa nhập cần có kĩ năng sáng tạo đồ dùng dạy học cho phù hợp với khả năng nhận thức, mức độ sử dụng của HS KTTT, nội dung bài học, môn học cụ thể trong chương trình giáo dục tiểu học. GV hòa nhập cần có kĩ năng sử dụng linh hoạt và biết cách khai thác đồ dùng dạy học, không chỉ sử dụng cho một giờ học, mà còn có

(Xem tiếp trang 164)

"KN đánh giá phát triển trẻ RLPTK" (SBD-TBD) với mức ý nghĩa ( $t=12.12, df=11, p=0.00$ ). Ở KN này GV cũng có sự tiến bộ rõ rệt với mức khác biệt khá lớn, sự khác biệt về KN của GV có ý nghĩa về mặt thống kê; "KN sử dụng phương tiện, đồ dùng CTSGD trẻ RLPTK" (SBD-TBD) với mức ý nghĩa ( $t=7.39, df=11, p=0.00$ ). Ở KN này có sự chuyển biến tích cực nhưng không quá khác biệt so với các KN khác. Bởi vì, phương tiện đồ dùng CTSGD trẻ RLPTK thường không có nhiều sự khác biệt, GV chỉ cần điều chỉnh cho phù hợp với trẻ; "KN ĐG kết quả CTSGD của trẻ RLPTK (SBD-TBD)" với mức ý nghĩa ( $t=9.22, df=11, p=0.00$ ), KN này chuyển biến thấp hơn những KN khác. Việc sử dụng công cụ đánh giá của GV chưa thực sự thành thạo, cần có thêm thời gian thực hành.

Kết quả thực nghiệm hình thành KN cho GV CTSGD trẻ RLPTK đã chứng minh việc lựa chọn nội dung và tiến hành bồi dưỡng kiến thức, rèn luyện KN cho GV có ý nghĩa quan trọng và vô cùng cần thiết, góp phần nâng cao chuyên môn cho GV và hiệu quả CTSGD cho trẻ RLPTK. Trong số 12 GV tham gia bồi dưỡng lý thuyết và KN thực hành trong 1 năm, có 9 GV đạt chuẩn, còn 3 GV chưa đạt chuẩn kiến thức và KN, đòi hỏi cần thêm thời gian để GV thực hành và bản thân GV cần nỗ lực nhiều hơn nữa trong quá trình thực hành nghề nghiệp. Để giải quyết vấn đề thực tiễn CTSGD trẻ RLPTK, người làm công tác này phải có KN phát hiện sớm, đánh giá phát triển, xây dựng và thực hiện kế hoạch, KN sử dụng các phương pháp, phương tiện CTSGD trẻ RLPTK.

**3. Nhằm đáp ứng nhu cầu của trẻ RLPTK và gia đình trẻ, các cấp quản lý và các cơ sở CTSGD cần thực hiện một số nội dung sau:** - Rà soát và đánh giá chất lượng năng lực của đội ngũ GV nhằm làm cơ sở cho việc bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ CTSGD trẻ RLPTK; - Xây dựng và ban hành chuẩn nghề nghiệp CTSGD trẻ RLPTK cho đội ngũ GV, chuyên gia; - Xây dựng chương trình bồi dưỡng thường xuyên, cập nhật kiến thức mới cho GV; - Thường xuyên tổ chức dự giờ, đánh giá GV; - Có môn học bắt buộc về CTSGD trẻ RLPTK cho sinh viên sư phạm ngành mầm non và tiểu học; - Đảm bảo số lượng và chất lượng cho CTSGD trẻ RLPTK; - Đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị cho quá trình CTSGD trẻ RLPTK. □

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Xuân Hải (2008). *Giáo dục hòa nhập - Góc nhìn từ kết quả một nghiên cứu đánh giá nhu cầu giáo dục của trẻ khuyết tật ở tỉnh Bắc Kạn*. Tạp chí Khoa học - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, số 2; tr 148-157.
- [2] Nguyễn Xuân Hải và cộng sự (2014). *Đào tạo, bồi dưỡng giáo viên giáo dục hòa nhập ở Việt Nam*. Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt, tr 7-10.

[4] Lê Văn Tạc, Sijze (2006). *Báo cáo nghiên cứu chuẩn năng lực giáo dục trẻ khuyết tật của giáo viên ở Việt Nam*.

[5] Nguyễn Thị Hoàng Yến (2013). *Tự kỉ - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*. NXB Đại học Sư phạm.

[6] Nguyễn Thị Hoàng Yến (2015). *Nghiên cứu biện pháp can thiệp sớm và giáo dục hòa nhập cho trẻ tự kỉ ở nước ta hiện nay và trong giai đoạn 2011- 2020*. Đề tài khoa học cấp Nhà nước, mã số: ĐTĐL.2011-T/11.

## Kĩ năng dạy học hòa nhập...

(Tiếp theo trang 160)

thể sử dụng cho nhiều tiết học, nhiều giờ học khác. Ví dụ: cùng đồ dùng là hình cây, GV có thể dạy HS về các bộ phận của cây trong giờ *Tự nhiên xã hội*, có thể sáng tạo gắn các quả để dạy HS số lượng trong giờ *Toán*, có thể minh họa để dạy trong giờ *Kể chuyện, Tập đọc*. Ngoài các đồ dùng dạy học trên lớp, GV có thể sáng tạo các đồ dùng dạy học cá nhân để hỗ trợ cho HS KTTT lĩnh hội kiến thức trên lớp. Ví dụ: GV có thể thiết kế thêm các mô hình *Hình học* để học nhận diện hình dạng và nhận biết đặc điểm các loại hình khác nhau khi học môn *Toán*.

\*\*\*

GDHN là môi trường giáo dục đem lại nhiều ý nghĩa tích cực với HS KTTT. Với HS KTTT học hòa nhập ở tiểu học, người GV có ảnh hưởng và tác động không nhỏ đến khả năng tham gia hòa nhập của HS. Tuy nhiên, trên thực tế, GV dạy hòa nhập ở tiểu học còn nhiều hạn chế về trình độ đào tạo, chuyên môn. Do vậy, để có thể hướng tới TCNL người học theo xu hướng đổi mới giáo dục, người GV cần chủ động rèn luyện các kĩ năng dạy học đặc thù trong GDHN nêu trên. □

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Công Khanh - Đào Thị Oanh (2015). *Giáo trình kiểm tra, đánh giá trong giáo dục*. NXB Đại học Sư phạm.
- [2] Nguyễn Xuân Hải (2009). *Giáo dục trẻ khuyết tật*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [3] American Psychiatric Association (APA) (2013). *Desk Reference to the Diagnostic Criteria from DSM - 5*. American Psychiatric Publishing.
- [4] Nguyễn Thị Hoàng Yến - Đỗ Thị Thảo (2010). *Đại cương giáo dục trẻ khuyết tật trí tuệ*. NXB Đại học Sư phạm.
- [5] Judy W. Wood (1984). *Adapting instruction for the Mainstream*. Charles E. Merrill Publishing Company.
- [6] Kirstin Bostelmann và Vivien Heller (2007). *Tăng cường và hỗ trợ việc học cho tất cả học sinh ở các trường tiểu học và chuyên biệt*. NXB Đại học Huế.
- [7] Bộ GD-ĐT, Viện Chiến lược và chương trình giáo dục - Trung tâm nghiên cứu chiến lược và phát triển chương trình giáo dục chuyên biệt (2006). *Giáo dục hòa nhập trẻ chậm phát triển trí tuệ bậc tiểu học (dành cho giáo viên tiểu học)*. NXB Lao động.